

# Thực trạng phân tích hiệu quả kinh doanh tại CTCP Việt Úc Bình Định và giải pháp hoàn thiện

 Nguyễn Thị Lệ Hằng\*  
Võ Đình Sơn\*\*

Nhận: 04/5/2020

Biên tập: 15/5/2020

Duyệt đăng: 25/5/2020

Hiệu quả kinh doanh là thước đo quan trọng để các nhà quản lý đo lường kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, để qua đó có những quyết định chính xác, kịp thời và hiệu quả. Nhóm tác giả đã nghiên cứu thực trạng phân tích hiệu quả kinh doanh tại CTCP Việt Úc Bình Định, giai đoạn từ năm 2016 - 2018, qua đó đề ra các giải pháp hoàn thiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nội dung phân tích chỉ mới đề cập đến các chỉ tiêu khả năng sinh lợi tổng quát như khả năng sinh lợi của doanh thu, khả năng sinh lợi của tổng tài sản và khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu. Về phương pháp phân tích, Công ty chỉ mới sử dụng phương pháp so sánh và chỉ dừng lại ở so sánh ngang và so sánh dọc và về tổ chức phân tích, hoạt động phân tích không thường xuyên, được giao cho nhân viên kế toán kiêm nhiệm nên chưa đảm bảo độ tin cậy và đầy đủ của thông tin do quá trình phân tích cung cấp.

**Từ khóa:** Hiệu quả kinh doanh, phân tích, Công ty Việt Úc Bình Định, khả năng sinh lợi

## 1. Giới thiệu

Hiệu quả kinh doanh (HOKD) là một phạm trù kinh tế, phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực sẵn có của doanh nghiệp (DN) để đạt được kết quả cao nhất trong kinh doanh với chi phí thấp nhất. HOKD khác với kết quả kinh doanh và có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với kết quả kinh doanh. Kết quả kinh doanh bao gồm cả HOKD của DN và hiệu quả xã hội do DN tạo ra.

Tuỳ thuộc góc độ đánh giá khác nhau mà HOKD được đo lường ở nhiều khía cạnh khác nhau trên các phương diện tài chính và phi tài chính. Trên phương diện tài chính, HOKD thường được đo lường thông qua các chỉ tiêu khả năng sinh lời (KNSL) của doanh thu, KNSL của chi phí, KNSL của tài sản và KNSL của vốn chủ sở hữu. Cụ thể, KNSL của doanh thu được xác định bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế (LNST) chia cho doanh thu thuần.

Chỉ tiêu này cho biết một đơn vị doanh thu thuần đem lại bao nhiêu đơn vị LNST. Trị số của chỉ tiêu này mang giá trị dương có nghĩa là DN kinh doanh có lãi, trị số này càng lớn phản ánh HOKD của DN càng cao. Trị số này mang giá trị âm nghĩa là DN kinh doanh thua lỗ.

KNSL của chi phí thường được xác định thông qua các chỉ tiêu gồm: (i) Sức sinh lợi của giá vốn hàng bán, được tính bằng cách lấy LNST chia cho tổng giá vốn hàng bán - chỉ tiêu này cho biết trong kỳ phân tích, DN đầu tư 1 đồng giá vốn hàng bán thì thu được bao nhiêu đồng LNST; và (ii) Sức sinh lợi của chi phí hoạt động, được tính bằng cách lấy LNST chia cho tổng chi phí hoạt động, chỉ tiêu này cho biết trong kỳ phân tích DN đầu tư một

đồng chi phí hoạt động thì thu được bao nhiêu đồng LNST. Trị số của hai chỉ tiêu này càng cao càng thể hiện mức lợi nhuận thu về trên giá vốn, chi phí càng lớn và do đó, DN đã tiết kiệm được các khoản chi phí chi ra trong kỳ.

KNSL của tổng tài sản được xác định bằng cách lấy LNST chia cho tổng tài sản bình quân. Chỉ tiêu này cho biết, DN đầu tư 1 đồng tài sản thì thu được bao nhiêu đồng LNST. Chỉ tiêu này càng cao càng chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản của DN càng tốt, góp phần nâng cao khả năng đầu tư của DN. Với chỉ tiêu này, DN có thể tính cho tài sản ngắn hạn hoặc tài sản dài hạn.

KNSL của vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách lấy LNST chia cho tổng vốn chủ sở hữu bình quân. Chỉ tiêu này phản ánh một đồng vốn chủ sở hữu đầu tư đem lại bao nhiêu LNST. Trị số của chỉ tiêu này càng cao thì hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu càng cao và ngược lại.

## 2. Thực trạng phân tích HOKD tại CTCP Việt Úc Bình Định

### 2.1. KNSL của doanh thu

Doanh thu thuần của Công ty chủ yếu là doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (doanh thu tài chính và thu nhập khác là không đáng kể). Các số liệu được sử

\* Trường Đại học Quy Nhơn

\*\* Kế toán CHK21, Trường Đại học Quy Nhơn

dụng để tính toán gồm doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, LNST được lấy từ báo cáo kết quả kinh doanh. Với số liệu sẵn có, nhân viên phân tích của Công ty đã tổng hợp và tính toán KNSL của doanh thu (ROS) ở bảng tính toán tổng hợp (Bảng 1).

Qua các số liệu tính toán ở Bảng 1, nhân viên phân tích Công ty nhận xét: KNSL từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2016, cứ 1 đồng doanh thu thuần thu được từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ mang về 0,21 đồng lợi nhuận cho Công ty; năm 2017, cứ 1 đồng doanh thu thuần thu được từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ mang về 0,48 đồng lợi nhuận cho Công ty, nhưng đến năm 2018 lại mang về 0,57 đồng lợi nhuận cho Công ty.

Nguyên nhân của tình hình trên theo các nhà phân tích tại Công ty là do LNST; doanh thu thuần đều tăng nhưng tốc độ tăng LNST cao hơn tốc độ tăng doanh thu thuần. Cụ thể, LNST 2017 tăng 87.153 triệu đồng so với năm 2016, tương đương tăng 299,82 %, trong khi doanh thu thuần tăng 99.064 triệu đồng, tương đương tăng 70,32%. Năm 2018, LNST tăng 99.289 triệu đồng so với năm 2017, tương đương tăng 85,43%, trong khi doanh thu thuần tăng 141.492 triệu đồng, tương đương tăng 58,97%. Điều đó chứng tỏ, tại Công ty đã quản lý hiệu quả các khoản chi phí phát sinh tại Công ty.

**2.2. KNSL của tài sản**

Hiệu quả sử dụng tài sản của DN thể hiện qua năng lực tạo ra giá trị sản xuất, doanh thu và qua KNSL của tài sản. Nhân viên phân tích tại CTCP Việt Úc Bình Định đã tiến hành lập bảng tính toán chỉ tiêu sức sinh lợi của TS (ROA) của Công ty (Bảng 2).

Từ số liệu Bảng 2, nhân viên phân tích Công ty cho rằng: KNSL của tổng tài sản tại Công ty tăng dần

qua các năm. Cụ thể, năm 2016, cứ 1 đồng tổng tài sản bình quân đầu tư vào kinh doanh mang về 0,27 đồng LNST cho Công ty; năm 2017 cứ 1 đồng tổng tài sản bình quân đầu tư vào kinh doanh mang về 0,86 đồng LNST cho Công ty và đến năm 2018 lại mang về 0,99 đồng LNST cho Công ty.

Nguyên nhân của tình hình trên theo nhân viên phân tích tại Công ty là do LNST và tổng tài sản bình quân đều tăng nhưng tốc độ tăng LNST cao hơn tốc độ tăng tổng tài sản bình quân. Cụ thể, năm 2017 so với năm 2016, LNST tăng 87.153 triệu đồng, tương đương tăng 299,82%, trong khi tổng tài sản bình quân tăng 27.915 triệu đồng, tương đương tăng 25,98%. Năm 2018 so với năm 2017, LNST tăng 99.289 triệu đồng, tương đương tăng 85,43%, trong khi tổng tài sản bình quân tăng 82.257 triệu đồng, tương đương tăng 60,76%. Như vậy, các nhà quản lý tại Công ty đã quản lý và sử dụng tổng tài sản ngày càng hiệu quả.

**2.3. KNSL của vốn chủ sở hữu**

Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của DN thể hiện qua năng lực tạo ra giá trị xuất, doanh thu và KNSL của vốn. Qua phân tích kết quả sử dụng vốn chủ sở hữu, các nhà quản lý đánh giá được mức độ, năng lực quản lý và sử dụng vốn trong DN, nắm được những nguyên nhân và nhân tố tác động đến hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu. Trên cơ sở đó, nhà quản lý đề ra các quyết định phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, góp phần nâng cao HQKD. Công ty căn cứ vào bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để lập bảng phân tích (Bảng 3, trang 32).

Qua số liệu Bảng 3, nhân viên phân tích nhận xét như sau: KNSL của vốn chủ sở hữu tại Công ty tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2016, cứ 1 đồng vốn chủ sở hữu bình quân đầu tư vào kinh doanh mang về 0,31 đồng LNST cho Công ty. Năm 2017, cứ 1 đồng vốn chủ sở hữu bình quân đầu tư vào kinh doanh

**Bảng 1: Bảng phân tích khả năng sinh lời của doanh thu tại CTCP Việt Úc Bình Định**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch 2017 so với 2016		Chênh lệch 2018 so với 2017	
					+/-	%	+/-	%
1. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	29.068	116.221	215.510	87.153	299,82	99.289	85,43
2. Doanh thu thuần	Triệu đồng	140.875	239.939	381.431	99.064	70,32	141.492	58,97
3. Sức sinh lợi của doanh thu thuần (= 1/2)	Lần	0,21	0,48	0,57	0,27	128,57	0,09	18,75

**Bảng 2: Phân tích KNSL của tổng tài sản tại CTCP Việt Úc Bình Định**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017 so với 2016		Năm 2018 so với 2017	
					+/-	%	+/-	%
1. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	29.068	116.221	215.510	87.153	299,82	99.289	85,43
2. Tổng tài sản bình quân	Triệu đồng	107.460	135.375	217.632	27.915	25,98	82.257	60,76
3. Sức sinh lợi của tổng TS (ROA)=(1/2)	Lần	0,27	0,86	0,99	0,59	218,52	0,13	15,12

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

mang về 0,94 đồng LNST cho Công ty, nhưng đến năm 2018 lại mang về 1,06 đồng.

Nguyên nhân của tình hình trên, theo các nhà phân tích tại Công ty, là do LNST; vốn chủ sở hữu bình quân đều tăng nhưng tốc độ tăng LNST cao hơn tốc độ tăng vốn chủ sở hữu bình quân. Cụ thể, năm 2017 so với năm 2016, LNST tăng 87.153 triệu đồng, tương đương tăng 299,82%, trong khi vốn chủ sở hữu bình quân tăng 30.158 triệu đồng, tương đương tăng 32,05%. Năm 2018 so với năm 2017, LNST tăng 99.289 triệu đồng, tương đương tăng 85,43%, trong khi vốn chủ sở hữu bình quân tăng 78.468 triệu đồng, tương đương tăng 63,15%. Điều đó chứng tỏ, các nhà quản lý tại Công ty đã sử dụng hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu.

**2.4. Về phương pháp phân tích HQKD**

Qua tìm hiểu, nhóm tác giả nhận thấy nhân viên phân tích tại CTCP Việt Úc Bình Định chỉ sử dụng phương pháp so sánh trong phân tích HQKD. Về cơ bản, đây là phương pháp phù hợp khi sử dụng để phân tích về HQKD. Cụ thể, nhân viên phân tích đã sử dụng phương pháp so sánh tuyệt đối và so sánh tương đối để phân tích HQKD thông qua việc tính KNSL của doanh thu thuần, KNSL của tài sản, KNSL của vốn chủ sở hữu của Công ty.

**2.5. Về tổ chức phân tích HQKD**

Qua tìm hiểu, nhóm tác giả nhận thấy nhân viên phân tích tại CTCP Việt Úc Bình Định có chú trọng đến tổ chức phân tích về HQKD. Quá trình phân tích HQKD tại Công ty cũng bao gồm ba giai đoạn phân tích: Chuẩn bị phân tích, tiến hành phân tích và kết thúc phân tích. Các giai đoạn phân tích chủ yếu gồm các công việc sau: tổng hợp các thông tin cần thiết cho phân tích HQKD thông qua các báo cáo; Tiến hành

đánh giá khái quát HQKD và phân tích các chỉ tiêu ROS, ROA, ROE để báo cáo cho Ban Giám đốc.

**3. Thảo luận kết quả nghiên cứu**

**3.1. Những kết quả đạt được**

- Về nội dung phân tích HQKD: Công ty đã tiến hành phân tích các chỉ tiêu cơ bản phản ánh HQKD như sức sinh lợi của doanh thu, sức sinh lợi của tài sản, sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu.

- Về phương pháp phân tích HQKD: Công ty đã sử dụng phương pháp so sánh khi phân tích HQKD. Về cơ bản, đây là phương pháp phân tích phù hợp khi sử dụng để phân tích về HQKD.

- Về tổ chức phân tích HQKD: Quá trình phân tích HQKD tại Công ty cũng được thiết kế qua ba giai đoạn phân tích: chuẩn bị phân tích, tiến hành phân tích và kết thúc phân tích; trong đó, giai đoạn tiến hành phân tích được chú trọng hơn hết.

**3.2. Những tồn tại và nguyên nhân**

- Về nội dung phân tích HQKD:

*Thứ nhất*, Công ty chưa sử dụng chỉ tiêu phân tích “sức sinh lợi của vốn cổ phần thường” để thấy được hiệu quả đầu tư của các nhà đầu tư trong Công ty. Bên cạnh đó, Công ty chưa tiến hành các phân tích liên quan đến KNSL của từng nhóm tài sản: tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn để đánh giá được hiệu quả sử dụng của từng nhóm tài sản. Quá trình phỏng vấn cho thấy, Công ty chỉ sử

dụng các chỉ tiêu phân tích HQKD nêu trên vì xuất phát từ quan điểm, năng lực của các nhà quản lý (mang tính chủ quan) cũng như năng lực của đội ngũ nhân viên làm công tác phân tích tại Công ty.

*Thứ hai*, Công ty chỉ mới chú trọng các chỉ tiêu phân tích: ROS, ROA và ROE mà chưa chú trọng đến các chỉ tiêu phân tích KNSL phi tài chính để phản ánh hiệu quả xã hội. Nguyên nhân của tình hình trên là do quan điểm về phân tích HQKD và trình độ của nhân viên làm công tác phân tích tại Công ty.

- Về phương pháp phân tích HQKD: Công ty chỉ mới sử dụng phương pháp so sánh gồm so sánh bằng số tuyệt đối, so sánh bằng số tương đối để phản ánh mức độ thực hiện mà chưa vận dụng so sánh bằng số tương đối động thái, số tương đối kế hoạch để thấy được kết cấu, mối quan hệ, tốc độ phát triển, mức độ phổ biến và xu hướng biến động của các chỉ tiêu phân tích. Các phương pháp phân tích khác hoàn toàn chưa áp dụng tại Công ty như phương pháp đồ thị, phương pháp Dupont,... Việc sử dụng ít các phương pháp phân tích trong quá trình phân tích HQKD sẽ làm cho thông tin phân tích thiếu chính xác và không đầy đủ, không tìm ra được các nguyên nhân chính ảnh hưởng đến HQKD để có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp.

- Về tổ chức phân tích: Hoạt động phân tích không thường xuyên, việc phân tích diễn ra khá

**Bảng 3: KNSL của vốn chủ sở hữu tại CTCP Việt Úc Bình Định**

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017 so với 2016		Năm 2018 so với 2017	
					+/-	%	+/-	%
1. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	29.068	116.221	215.510	87.153	299,82	99.289	85,43
2. Vốn chủ sở hữu bình quân	Triệu đồng	94.108	124.266	202.734	30.158	32,05	78.468	63,15
3. Sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu (ROE) (=1/2)	Lần	0,31	0,94	1,06	0,63	203,23	0,12	12,77

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

tùy tiện theo yêu cầu của nhà quản lý, các báo cáo phân tích chưa làm rõ được ưu, nhược điểm trong quá trình quản lý tại Công ty và công tác phân tích HQKD tại Công ty lại được giao cho nhân viên kế toán kiêm nhiệm nên chưa đảm bảo độ tin cậy và đầy đủ của thông tin do quá trình phân tích cung cấp. Người cung cấp thông tin kế toán đồng thời là người thực hiện phân tích, sẽ dẫn đến không đảm bảo tính khách quan của thông tin.

**4. Các giải pháp hoàn thiện**

**4.1. Hoàn thiện về nội dung phân tích**

Xuất phát từ những tồn tại nêu trên, nhóm tác giả đề xuất bổ sung thêm một số chỉ tiêu phân tích khi phân tích HQKD tại Công ty gồm: KNSL của tài sản ngắn hạn, dài hạn; sức sinh lợi của vốn cổ phần. Điều này sẽ giúp cho nhà quản lý tại Công ty có căn cứ tin cậy, để đánh giá hiệu quả sử dụng của từng bộ phận tài sản trong Công ty và hiệu quả của sự đầu tư của các nhà đầu tư. Từ đó, các nhà quản lý có cơ sở để đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn và thích hợp, nhằm nâng cao HQKD cho Công ty. Cách tính và ý nghĩa của các chỉ tiêu như sau:

- KNSL của tài sản dài hạn: Chỉ tiêu này cho biết mỗi đồng tài sản dài hạn bình quân đầu tư vào kinh doanh trong kỳ đem lại mấy đồng lợi nhuận cho Công ty. Trị số chỉ tiêu này tính ra giá trị càng lớn thì hiệu quả càng cao và ngược lại. Công thức tính:

$$\text{Sức sinh lợi của tài sản dài hạn} = \text{LNST} / \text{Tổng tài sản dài hạn bình quân} \quad (4.1)$$

- KNSL của tài sản ngắn hạn: Chỉ tiêu này cho biết, mỗi đồng tài sản ngắn hạn bình quân đầu tư vào kinh doanh trong kỳ đem lại mấy đồng lợi nhuận cho Công ty. Trị số chỉ tiêu này tính ra giá trị càng lớn thì hiệu quả càng cao và ngược lại. Công thức tính:

$$\text{Sức sinh lợi của tài sản ngắn hạn} = \text{LNST} / \text{Tổng tài sản ngắn hạn bình quân} \quad (4.2)$$

Trong đó, chỉ tiêu được tính toán như sau: LNST lấy từ chỉ tiêu có mã số 60 “LNST thu nhập DN” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Tổng tài sản dài hạn lấy từ chỉ tiêu có mã số 200 “Tài sản dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán; và Tổng tài sản ngắn hạn lấy từ chỉ tiêu có mã số 100 “Tài sản ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán.

- Sức sinh lợi của vốn cổ phần thường: Chỉ tiêu này cho biết một đồng vốn cổ phần thường bình quân mang về bao nhiêu đồng LNST cho Công ty. Đây là chỉ tiêu luôn được các nhà đầu tư quan tâm hàng đầu vì bất kỳ nhà đầu tư nào cũng quan tâm đến KNSL từ sự đầu tư của mình.

$$\text{Sức sinh lợi vốn cổ phần thường} = (\text{LNST} - \text{Cổ tức ưu đãi}) / \text{Vốn cổ phần thường bình quân} \quad (4.3)$$

Trong đó, chỉ tiêu được tính toán như sau: LNST lấy từ chỉ tiêu có mã số 60 “LNST thu nhập DN” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Cổ tức ưu đãi lấy từ chỉ tiêu có trong nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty; Vốn cổ phần thường được xác định bằng cách lấy số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân nhân (x) với mệnh giá cổ phiếu.

Trị số bình quân của từng đối tượng (tổng tài sản dài hạn, tổng tài sản ngắn hạn, vốn cổ phần thường...) được xác định theo công thức chung như sau:

$$\text{Trị số bình quân của từng đối tượng} = (\text{Trị số đầu kỳ của từng đối tượng} + \text{Trị số cuối kỳ của từng đối tượng}) / 2$$

Đồng thời, nhóm tác giả cũng đề xuất Công ty sử dụng thêm một số các chỉ tiêu phân tích KNSL trên phương diện phi tài chính để có thể phản ánh được đầy đủ hiệu quả kinh tế - xã hội. Từ đó, nhà quản lý tại Công ty sẽ đánh giá được hiệu quả

sử dụng lao động, hiệu quả phục vụ khách hàng. Vì vậy, nhà quản lý có cơ sở để thực hiện cơ chế thưởng, phạt công bằng, khuyến khích người lao động đóng góp hơn nữa vào kết quả chung của Công ty. Các chỉ tiêu phân tích sử dụng thêm gồm: KNSL của lao động và KNSL của khách hàng.

- KNSL của lao động: Chỉ tiêu này cho biết, bình quân một lao động được sử dụng trong kỳ của Công ty tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận. Trị số của chỉ tiêu này tính ra càng cao càng tốt và ngược lại. Công thức tính:

$$\text{Sức sinh lợi của lao động} = \text{Tổng lợi nhuận} / \text{Tổng số lao động bình quân} \quad (4.4)$$

- KNSL của khách hàng: Chỉ tiêu này cho biết, cứ mỗi một khách hàng của Công ty tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận. Trị số của chỉ tiêu này tính ra càng cao càng tốt và ngược lại.

$$\text{Sức sinh lợi của khách hàng} = \text{Tổng lợi nhuận} / \text{Tổng số khách hàng bình quân} \quad (4.5)$$

Trong đó, tổng lợi nhuận có thể là lợi nhuận gộp, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế thu nhập DN, LNST thu nhập DN tùy theo mục đích phân tích và được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.

**4.2. Hoàn thiện về phương pháp phân tích**

Công ty chỉ vận dụng phương pháp so sánh trong phân tích HQKD. Đồng thời, việc phân tích chủ yếu được thực hiện đơn lẻ theo từng phương pháp phân tích mà không có sự kết hợp sử dụng giữa các phương pháp phân tích với nhau. Vì vậy, nhóm tác giả đề xuất Công ty có thể bổ sung một số phương pháp phân tích HQKD như sau:

*Thứ nhất*, vận dụng phương pháp so sánh kết hợp với đồ thị để thấy được xu hướng, nhịp điệu và

hướng phát triển tăng, giảm của các chỉ tiêu phân tích HQKD.

Để thực hiện kết hợp hai phương pháp phân tích này với nhau, trước hết Công ty phải lựa chọn chỉ tiêu phân tích HQKD cần phân tích như ROA, ROE hay ROS,... Sau đó, sử dụng cách thức so sánh bằng số tương đối động thái định gốc (nếu phân tích xu hướng tăng trưởng) hay so sánh bằng số tương đối động thái liên hoàn (nếu phân tích nhịp điệu tăng trưởng); tiếp đó, sử dụng đồ thị để biểu diễn kết quả phân tích. Đường biểu diễn kết quả phân tích so sánh bằng số tương đối động thái định gốc là  $y_i/y_0$  (với  $i = 1, n$ ) sẽ thể hiện xu hướng tăng trưởng là đi lên, đi xuống hay không đổi; còn đường biểu diễn kết quả so sánh bằng số tương đối động thái liên hoàn là  $y_{(i+1)}/y_i$  (với  $i = 1, n$ ) lại thể hiện nhịp điệu tăng trưởng là ổn định, đều đặn hay bất bành.

*Thứ hai*, vận dụng phương pháp Dupont kết hợp với phương pháp loại trừ để xác định các nguyên nhân ảnh hưởng đến các chỉ tiêu phân tích HQKD

Để thực hiện việc phân tích kết hợp này, các bước cần thực hiện theo trình tự sau:

+ Bước 1: Xác định chỉ tiêu phân tích theo công thức gốc;

+ Bước 2: Vận dụng mô hình Dupont để biến đổi công thức tính gốc thành phương trình có nhiều biến số tác động;

+ Bước 3: Sử dụng phương pháp loại trừ để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến chỉ tiêu phân tích;

+ Bước 4: Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng, rút ra nhận xét, kiến nghị và đề xuất các giải pháp nâng cao HQKD.

*Thứ ba*, vận dụng phương pháp thay thế liên hoàn để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự biến động của các chỉ tiêu phân tích HQKD

Để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến chỉ tiêu phân tích cần nghiên cứu; tùy thuộc vào mối quan hệ của chỉ tiêu nghiên cứu với các nhân tố phân tích để có thể sử dụng phương pháp loại trừ dưới dạng phương pháp thay thế liên hoàn hay phương pháp số chênh lệch. Cách thức tiến hành như sau:

+ Bước 1: Xác định chỉ tiêu gốc phản ánh đối tượng nghiên cứu;

+ Bước 2: Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến đối tượng nghiên cứu;

+ Bước 3: Thể hiện mối quan hệ giữa chỉ tiêu phản ánh đối tượng nghiên cứu đối với các nhân tố ảnh hưởng dưới dạng tích số hoặc thương số;

+ Bước 4: Sắp xếp các nhân tố ảnh hưởng và xác định ảnh hưởng của từng nhân tố đến chỉ tiêu đối tượng nghiên cứu theo thứ tự ưu tiên nhân tố số lượng trước, nhân tố chất lượng sau. Nếu nhân tố số lượng hoặc chất lượng có nhiều thì tiến hành phân tích nhân tố chủ yếu, sau đó mới đến nhân tố thứ yếu;

+ Bước 5: Lần lượt thay thế giá trị của từng nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu nghiên cứu; khi nhân tố nào đã thay thế thì giữ nguyên giá trị đã thay thế cho đến lần thay thế cuối cùng.

+ Bước 6: Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng, rút ra nhận xét và kết luận.

### **4.3. Hoàn thiện tổ chức phân tích**

Công tác tổ chức phân tích tại CTCP Việt Úc Bình Định hiện nay

còn nhiều hạn chế, yếu kém, do đó, việc hoàn thiện tổ chức phân tích HQKD tại Công ty là đòi hỏi khách quan và tất yếu. Tuy nhiên, để Công ty có thể hoàn thiện được các nội dung tổ chức phân tích HQKD thì Công ty cần phải nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích HQKD trong công tác quản lý của Ban giám đốc và các phòng chức năng. Đồng thời, Công ty nên cải tổ hệ thống thông tin kế toán đảm bảo thông tin chính xác, kịp thời và có độ tin cậy cao; xây dựng bộ máy phân tích HQKD tại Phòng Kinh doanh một cách khoa học, hợp lý (không kiêm nhiệm); nhân viên phân tích có đầy đủ kiến thức và kinh nghiệm để đảm bảo kết quả phân tích chính xác và chỉ ra được những nguyên nhân tác động đến HQKD, góp phần nâng cao HQKD tại Công ty. ■

### **Tài liệu tham khảo**

[1] Nguyễn Văn Công (2009), *Giáo trình phân tích Kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội

[2] Nguyễn Thị Lệ Hằng, Nguyễn Ngọc Tiến (2019), *Thực trạng về công cụ và kỹ thuật phân tích khả năng sinh lợi tại các DN kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định và giải pháp hoàn thiện*, *Tạp chí Kế toán & Kiểm toán*, số 186, trang 23-27.

[3] Nguyễn Thị Lệ Hằng (2015), *Về phân tích KNSL hoạt động và KNSL vốn chủ sở hữu trong các DN*, *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, số 143, trang 24 - 26.

[4] Nguyễn Thị Lệ Hằng (2017), *Hoàn thiện phân tích KNSL tại các DN Kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định*, *LATS, Học viện Tài chính*, Hà Nội.

[5] Nguyễn Năng Phúc (2011), *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

[6] Nguyễn Ngọc Quang, Phạm Thành Long, Trần Văn Thuận (2007), *Phân tích hoạt động kinh tế*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[7] Nguyễn Ngọc Quang (2008), *Hoàn thiện phân tích HQKD trong các DN Việt Nam*, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ*, Hà Nội.